

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11 – 07 – 2025.

V/v: “*Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng và ông Y Ník Êban.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/07/2025, tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2025/TLST – HNGĐ, ngày 14/01/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31a/2025/HNGĐ – ST, ngày 26/05/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST – HNGĐ ngày 11/06/2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Thẩm Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện E (nay là Thôn Q, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Lục Văn H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện E (nay là Thôn Q, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Thẩm Thị H trình bày:***

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lục Văn H1 có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/01/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, chồng tôi ăn chơi, gen tuông vô có, vợ chồng cãi cọ thường xuyên, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nay hai vợ chồng chúng tôi không còn sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm, không tôn trọng, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết được ly hôn với ông Lục Văn H1.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi sinh được 02 người con chung.

1. Cháu tên là Lục Băng B, sinh ngày 26/09/2010.

2. Cháu tên là Lục Băng T, sinh ngày 07/02/2019.

Nay hai vợ chồng ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lục Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Sau khi thụ lý và quá trình giải quyết Tòa án triệu tập đến Tòa làm việc để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án nhưng ông H1 không có mặt. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông H1 vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Đắk Lắk:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng và quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của pháp luật. Còn đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chưa chấp hành và vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thẩm Thị H, cho bà Thẩm Thị H được ly hôn với ông Lục Văn H1.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lục Băng B, sinh ngày 26/09/2010 và Cháu tên là Lục Băng T, sinh ngày 07/02/2019 cho bà Thẩm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HDXX xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Bà Thẩm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Lục Văn H1. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã C, huyện E (nay là thôn Q, xã E), tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Đối với bị đơn ông Lục Văn H1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ 2 đều vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lục Văn H1 đã được thông báo triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do nên phải tự chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thẩm Thị H và ông Lục Văn H1 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã C, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/01/2010 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án thì thấy rằng: Nguyên đơn trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2023. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung, ông H1 ăn chơi, ghen tuông vô cớ, vợ chồng cãi cọ thường xuyên dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay là phù hợp với biên bản xác minh tại chính quyền địa phương. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng bà H, ông H1 đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm bà H dành cho ông H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Thẩm Thị H, cho bà H được ly hôn với ông H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông H1 có 02 người con chung là cháu Lục Băng B, sinh ngày 26/09/2010 và cháu Lục Băng T, sinh ngày 07/02/2019.

Quá trình giải quyết vụ án bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành. HĐXX xét thấy, cháu B và cháu T là con gái hiện đang còn nhỏ và bản thân cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, nên xét việc giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần giao con chung cháu Lục Băng B, sinh ngày 26/09/2010 và cháu Lục Băng T, sinh ngày 07/02/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đưa ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thẩm Thị H.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Thẩm Thị H được ly hôn với ông Lục Văn H1.

* **Về con chung:** Giao con chung là cháu Lục Bằng B, sinh ngày 26/09/2010 và cháu Lục Bằng T, sinh ngày 07/02/2019 cho bà Thẩm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Ông H1 được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, **ông H1** không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Thẩm Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000916 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Cơ quan THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Kar;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Ngọc